

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/LĐ-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v tranh chấp về tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 30/2023/TLST-LĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp về tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-LĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Duy T; địa chỉ: 4 đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Phượng Y, sinh năm 1985 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ liên hệ: Số D đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Giấy ủy quyền số 005803 ngày 22/6/2023)

Bị đơn: Công ty cổ phần H (Việt Nam); địa chỉ: Số A Đường số B, Khu Dân Cư C, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đồng Thế M, sinh năm 1988, địa chỉ: 8.07, Lô A, CC số 27, đường N, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 08/01/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Minh C – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

(Các đương sự và luật sư có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông **Phạm Duy T** và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông **T** vào làm việc tại **Công ty cổ phần H** (Việt Nam) (sau đây viết tắt là **Công ty H**) từ ngày 07/11/2022 theo Hợp đồng thử việc số: 023/HMSPVN/HDTV/2022 ngày 07/11/2022, chức danh: Full stack Developer Fresher; mức lương trước thuế là 6.800.000 đồng mỗi tháng, phụ cấp cơm trưa; hình thức trả lương bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Thời hạn trả lương vào ngày 10 hàng tháng. Sau một thời gian làm việc tại đây, ông **T** cảm thấy không phù hợp nên ngày 12/12/2022 ông **T** đã nộp đơn thôi việc.

Ngày 12/12/2022 **Công ty H** ban hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thử việc với ông **T** kể từ ngày 13/12/2022; đồng thời Công ty cam kết sẽ trả lương tháng 11/2022 cho ông **T** trong tuần (hết ngày 17/12/2022) và trả lương những ngày công tháng 12/2022 trong kỳ lương tháng sau. Ông **T** đồng ý và bàn giao tất cả mọi thứ liên quan đến công việc cho công ty theo quy định.

Tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa trả tiền lương còn thiếu cho nguyên đơn. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông **T** trả:

- + Tiền lương của tháng 11/2022 (từ ngày 07/11/2022 đến ngày 31/11/2022) với số tiền 5.280.000 đồng;

- + Tiền lương tháng 12/2022 (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022) với số tiền 2.640.000 đồng.

- + Lãi suất quá hạn của số tiền lương còn nợ cho đến khi thanh toán hết là 9%/năm. Số tiền lãi từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/08/2023 là 500.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bị đơn phải chi trả cho ông **T** là: 8.420.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/01/2024 nguyên đơn xác định lại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lương:

- + Lương tháng 11/2022 là 4.589.992 đồng.

- + Lương tháng 12/2022 là 2.353.846 đồng.

Tổng cộng là: 6.943.838 đồng.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông **Đổng Thế M** trình bày:

Công Ty H và ông **T** có ký Hợp đồng thử việc số 023/HMSPVN/HDTV/2022 ngày 07/11/2022, thời gian thử việc từ ngày

07/11/2022 đến ngày 13/12/2022 với mức lương là 6.800.000 đồng. Hiện tại các bên đã thực hiện chấm dứt Hợp đồng kể từ ngày 13/12/2022.

Nay ông **T** yêu cầu **Công Ty H** phải thanh toán cho ông số tiền lương từ ngày 07/11/2022 đến ngày 31/11/2022 là 5.280.000 đồng và tiền lương từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022 là: 2.640,000 đồng và số tiền lãi được xác định là 9%/năm từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/08/2023 là 500.000 đồng. Tổng số tiền phải chi trả là: 8.420.000 đồng. Công ty không đồng ý với nội dung nguyên đơn trình bày với lý do sau: Số tiền lương của tháng 11/2022 (từ ngày 07/11/2022 đến ngày 30/11/2022), ngày công thực làm là 19,5 ngày tương đương số tiền được nhận 4.589.992 đồng (đã trừ 10% thuế TNCN). Số tiền lương của tháng 12/2022 (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022), số ngày công thực làm là 10 ngày tương đương số tiền được nhận 2.353.846 đồng (đã trừ 10% thuế TNCN). Không chấp nhận phải trả lãi đối với số tiền trên. Tổng số tiền Công ty chỉ phải trả cho ông **T** là: 6.943.838 đồng.

Yêu cầu ông **T** xin lỗi bằng văn bản tới **Công ty H** vì tự ý cho rằng Công ty có dấu hiệu trốn thuế cụ thể là bán hàng ngang giá vốn.

Ngày 24/01/2024 bị đơn có Đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông **T** bồi thường thiệt hại do hành vi xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự của **Công ty cổ phần H** (Việt Nam) với số tiền là 14.900.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn xin lỗi bằng văn bản tới **Công ty cổ phần H** (Việt Nam).

Ngày 28/02/2024 Tòa án đã có Thông báo số 15/TB-TA trả lại đơn phản tố cho **Công ty H**.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả tiền lương cho ông **T** là 6.943.838 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 13/12/2022 đến ngày 22/4/2024 (496 ngày) với mức lãi suất là 9%/năm là 849.241 đồng. Tổng cộng là 7.793.079 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lương là 6.943.838 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi vì lý do trong quá trình giải quyết việc trả lương, nguyên đơn đã có hành vi cố tình sử dụng nội dung, thông tin sai lệch để làm đơn kêu cứu xuyên tạc gửi khắp nơi làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của bị đơn dẫn đến đối tác của Công ty hủy hợp đồng gây thiệt hại rất nhiều cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chi trả tiền lương, đây là tranh chấp lao động về tiền lương. Bị đơn có trụ sở tại **quận G** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân **quận G** theo quy định tại các Điều 32, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1.1. *Về tiền lương*:

Căn cứ Hợp đồng thử việc số 023/HMSPVN/HDTV/2022 ngày 07/11/2022, sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự có cơ sở để xác định giữa ông **T** và **Công ty H** có xác lập quan hệ lao động, thời gian thử việc từ ngày 07/11/2022 đến ngày 13/12/2022 với mức lương là 6.800.000 đồng, trả lương theo phương thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Hợp đồng thử việc giao kết giữa các bên đã phát sinh hiệu lực ràng buộc trách nhiệm pháp lý buộc các bên phải thực hiện.

Xét thấy người sử dụng lao động là **Công ty H** phải có nghĩa vụ trả tiền lương cho người lao động đầy đủ và đúng hạn. Tuy nhiên các đương sự đều xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lương của tháng 11/2022 (từ ngày 07/11/2022 đến ngày 30/11/2022) với số tiền là 4.589.992 đồng, tiền lương của tháng 12/2022 (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022) với số tiền là 2.353.846 đồng, tổng cộng là 6.943.838 đồng là vi phạm thỏa thuận giữa các bên tại Điều 5 của Hợp đồng và vi phạm nguyên tắc trả lương cho người lao động quy định tại Điều 94 của Bộ luật lao động năm 2019.

Do vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số lương còn thiếu là 6.943.838 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.1.2. *Về tiền lãi chậm thanh toán*:

Căn cứ Điều 2 Hợp đồng, các bên thỏa thuận thời hạn trả lương vào ngày 10 hàng tháng (trả vào ngày tiếp theo nếu trùng chủ nhật).

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 13/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 9%/năm là không trái với quy định tại Điều 97 Bộ luật lao động năm 2019 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 6.943.838 đồng x 9%/năm x ngày 13/12/2022 đến ngày 27/3/2024 (496 ngày) là 849.241 đồng.

Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 6.943.838 + 849.241 đồng = 7.793.079 đồng.

Xét ý kiến của đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn vì lý do trong quá trình giải quyết việc trả lương, nguyên đơn đã có hành vi cố tình sử dụng nội dung, thông tin sai lệch làm ảnh hưởng đến uy tín, gây thiệt hại về kinh tế cho bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, lý do này không thuộc trường hợp được tạm ngừng thanh toán tiền lương cho nguyên đơn. Nếu bị đơn cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm bị đơn có quyền khởi kiện nguyên đơn bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 94, Điều 97 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần H (Việt Nam) có trách nhiệm trả cho ông Phạm Duy T số tiền lương là 6.943.838 và tiền lãi chậm thanh toán là 849.241 đồng, tổng cộng là 7.793.079 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Phạm Duy T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty cổ phần H (Việt Nam) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng Công ty cổ phần H (Việt Nam) phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải